

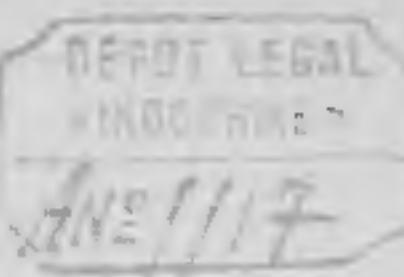
TRĂNG-AN

TUẦN LỄ RA HAI KỲ : THỨ BA VÀ THỨ SÁU

Mỗi số 4 xu

BÁO

	Đóng-pháp	Ngoại-quốc
1 năm	3\$50	6\$00
6 tháng	2\$00	3\$50
1 năm	5\$00	8\$00
6 tháng	2\$50	4\$00



Tòa-soạn và ty Quản-lý :
Số 43, đường Paul-Bert, Huế

Giấy nói: số 30; Giấy thép tắt: Trangan, Huế

Thơ và mẩu-đa xin gửi cho Chủ-nhiệm Trăng-An :
BUI-HUY-TÍN

HƯỚNG ỨNG VỚI « TIN-VĂN »

Tờ báo ra đời thường có bài phê-lộ để lờn độc-giá. Tin-văn, tuần báo Văn-học và Văn-thuật xuất bản tại Hà-nội, ra đời cũng có bài phê-lộ của nó. Nhưng đây là một bài phê-lộ thành thực, do một tâm hồn nhiệt thành, thiết tha với quốc-văn viết ra. Không phải chúng tôi đi nói dũa theo, nhưng thực tình chúng tôi đã nhìn thấy điều đó do trong những lời nói rõ ràng, không bóng bẩy, không chài chèo chĩa bài phê-lộ ấy.

Vậy Tin-văn sẽ làm gì? Cái chương-trình của Tin-văn?

Cho được trả lời câu hỏi ấy, chúng tôi xin sao lại dưới đây bản tóm tắt tôn chỉ và công việc của mình sẽ làm mà bạn đồng nghiệp đã đăng trong số 2:

— Vận đáp cho quốc-văn thành một nền văn minh-bạch, chính-xác.

— Tổ chức cuộc hội nghị các nhà văn, nhà báo, nhà in, nhà xuất bản để làm quốc-văn được nhất trí.

— Gom-góp tài liệu cho một cuốn Việt-nam Văn-học sử.

— Nâng cao giá trị các nhà văn-sĩ và nghệ-sĩ chân chính.

— Tổ chức những lễ kỷ-niệm các nhà văn qua đời.

— Phát giải thưởng cho những văn-sĩ và nghệ-sĩ trẻ tuổi chưa nổi tiếng.

Tuyệt là một cái chương trình to tát. To tát đến nỗi một ngày kia giả hoàn thành xong, ai là người yêu quốc-văn mà không sung-sướng. To tát nhưng không phải là không làm được: lòng sốt sắng sẽ thắng hết cả mọi sự khó khăn.

Trong bản chương trình tốt đẹp ấy của bạn đồng-nghiệp chúng tôi nhận thấy có ba khoản quan trọng nhất. Ấy là khoản thứ nhất, nhì và ba. Quan trọng vì đó là những điều mong ước tối cao của chúng ta lâu nay.

Thật vậy không có gì bức mình hơn là cùng một văn-tự mà người thì viết thể này, người thì viết thể khác, không có thể cách, nhất luật gì cả.

Chữ quốc-ngữ của ta đương ở vào cái cảnh rối beng ấy.

Những tiếng bắt đầu tr thì người Bắc viết ch, hay trái ngược lại. Người Trung và Nam thì trong óc rồi bủ không biết chữ nào đáng sau có g hay không g, có t hay e, nên đánh dấu ngã hay dấu hỏi. Sự lầm lẫn ấy trong đám người thường không nói làm gì, đến hạng sống về cán bút mà cũng lầm lẫn thì rõ chán quá.

Mấy giờ muốn cho sự viết chữ quốc-ngữ được duy nhất, chỉ có một cách là mở cuộc hội nghị các nhà văn trong ba kỳ, nhất định một lối viết, một lối thời, cho toàn nước. Cái ý rất hay ấy của bạn Tin-văn đã có lần chúng tôi nghĩ đến; đã có lần chúng tôi nói ra, nhưng tôi xin hết sức hoan-nghỉ.

Chữ quốc-ngữ lại không có một văn pháp nhất định. Hình như ai muốn viết thế nào thì viết. Đến nỗi chúng tôi có thể nói rằng mỗi người cầm bút có một văn-pháp riêng. Trong cuộc hội-ng nghị sau này, dĩ đối với sự thống nhất văn-tự, sự thống nhất văn-pháp sẽ là một điều rất cần vậy.

Nếu sự thống nhất quốc-văn rất cần, thì công việc gom-góp

tài liệu cho một cuốn Việt-nam Văn-học sử sau này cũng đáng làm ngay lắm. Vì mỗi đến năm nay là năm 1935 mà chúng ta vẫn chưa có được một cuốn Văn-học sử, thật là một điều nhục, đáng hổ thẹn. Ngàn năm văn hiến gì mà đến chừng người ta hỏi: chờ nào quyền sử Văn-học nước anh đâu? — thì được người ra, không biết dùng nào mà trả lời!

Nhưng, cho được tự an ủi đôi chút, chúng ta nên công-nhận rằng viết được một cuốn Việt-nam Văn-học sử rất khó. Một lẽ vì tài liệu ngày xưa bày giờ bị thất lạc nhiều lắm; ngay đến những nhà văn sống trong khoảng cận thời đây như Nguyễn Du, Tu Xương, mà sự biết cho rõ về đời và văn nghiệp của họ còn khó khăn thay! Chúng ta không nên đổ cả lỗi cho những cuộc biến loạn thường xảy ra trong nước ta, lấy lẽ rằng nó đã làm trở ngại cho sự lưu truyền văn liệu cho đời sau. Làm trở ngại cho sự truyền ấy, họa chăng chỉ có tánh lười biếng, không muốn ghi chép của dân tộc ta.

Nước Pháp có phải là một nước được hưởng sự hòa bình luôn luôn, vậy mà sao bây giờ mới đến lại lịch các nhà văn của họ, họ nói được một cách rành rọt. Ấy vì họ có óc kỷ-sự, mỗi chuyện gì xảy ra họ có quan hệ đến văn học, họ đều dùng văn tự ghi lại hết.

Lẽ thì bài là cái văn học của ta nó.... rõ quá, rõ về hình thức, rõ về tư-lượng. Thành ra bây giờ ngồi chép lại cuốn sử, chúng ta không biết lấy gì mà nói. Bởi lẽ ấy, chúng tôi có thể nói được rằng viết một quyển sử nước Việt-Nam còn dễ hơn là viết một cuốn Văn-học sử của nước ấy. Chẳng thế mà những tay thường ngày sẵn gũi với tài liệu như các ông Nguyễn Văn Tố, Lê Du, nghe nói định viết cuốn sử văn học nước nhà, rồi sau rồi cuộc, ngại ngại, cũng không dám hạ bút.

Thật là một công việc rất khó, khó, nhưng không lẽ ngại luôn. Bạn Tin Văn đã có cái can đảm đứng ra gánh vác việc đó. Nhưng bạn cũng chỉ mới có cái định ý khởi-tôn là sẽ ra công gom-góp những tài liệu mà thôi. Còn sự viết cuốn Việt-nam Văn-học sử, nếu đủ thì giờ và sức lực làm được càng tốt, bằng không, xin để lại người sau....

Rất lại những khoản có thể thi hành một cách dễ dàng của bản chương trình là những khoản thuộc về sự nhớ công người xưa và sự khuyến khích người nay. Chúng tôi muốn nói đến ba khoản cuối cùng. Kể ra thì những việc sau này không khó, khó hay không khó là do ở lòng nhiệt thành của người làm. Nhưng nhiệt thành có lên, bạn Tin-văn!

Chúng tôi tuy không ra đảm đương được cái công việc tốt đẹp của bạn định chủ trương, nhưng bao giờ cũng vẫn một lòng tán-thành. Chúng tôi coi cái chương trình của bạn như một cái chương trình chung của các bạn yêu quốc-văn. Và trong lúc đợi được nghe một cái chương trình rõ ràng, đầy đủ hơn do bạn vạch lấy, chúng tôi xin có lời hoan-nghỉ bạn và hướng-ứng với bạn.

TRĂNG-AN

Trăng-An số này có phụ trương

Cuộc bình lữ giữa Á và Ý khó lòng tránh khỏi

Hội-ng nghị tam-quốc Anh-Pháp-Y, họp tại Paris đã bị thất bại. Ý thì nhất định đòi các điều kiện về chánh-trị và quân-sự, Pháp và Anh thì quả quyết chỉ nhượng về kinh-tế thôi. Cừ gắng nhau, không ai chịu nhún, hội-ng nghị rốt cục chẳng định được việc gì.

Đối với sự thất-bại của hội-ng nghị, các báo Pháp tỏ ra một thái độ rất bi quan vì nó sẽ có ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc hòa-bình của Âu-châu: nạn chiến-tranh thế nào cũng nổi lên ở Phi-châu. Ý tất ra khỏi Hội Quốc-liên.

Các báo lại hỏi: Chẳng hay thủ tướng Mussolini định thêm vào cái danh vọng mình một cái chiến-công rực rỡ hay là định lo liệu cho kiều-dân Ý ở Á. Nếu thiệt như thế trên thì chẳng ai có thể can ngăn được.

Người ta đoán rằng đến kỳ hội đồng Hội Quốc-liên ngày 4 Septembre này, đại-biêu Anh sẽ đem cái trách-nhiệm của Ý mà kể ra. Lẽ tất nhiên là Ý chẳng chịu nhận lỗi giữa hội-đồng; theo gương Nhật và Đức, Ý sẽ từ chối Hội Quốc-liên. Tình hình ở Âu-châu sẽ thêm nghiêm trọng, Đức tất càng ngày càng đề-nên Áo.

Thấy rõ tình thế như vậy, Pháp cần liên-lạc với Anh, lại cũng cần phải thân-thiện với Ý nữa để Ý khỏi công-nhiên đứng về phe Đức mà quấy rối cuộc hòa-bình ở Âu-châu. Địa-vị Pháp mới thật là khó xử.

Ngày nay người ta không biết về việc Ý Á, ba nước Anh-Pháp Ý định liệu ra sao. Thực tiếp-bàn bạc với nhau còn chẳng ăn thua gì, huống hồ nay chỉ còn cách giao-thiệp bằng đường ngoại-giao!

Theo lời đại-biêu Ý là ông Aloisi thì Ý lúc nào cũng trọng sự hòa-bình. Ý lúc nào cũng hiệp-lực với Anh và Pháp để giữ gìn cho cuộc hòa-bình ở Âu-châu. Nhưng Ý không muốn ích kỷ hưởng cuộc hòa-bình đó một mình, Ý muốn cho các thuộc-dịa Ý cũng được hưởng nó. Trong 50 năm Ý đã từng ký với Á rất nhiều bản hiệp ước, nhưng nào Á có chịu theo bao giờ đâu!

Việc tính tiền phạt ra hạn từ

Quan Toàn quyền vừa ký nghị định sửa đổi khoản 70 trong nghị định ngày 5 juin 1933 nói về việc đòi tiền phạt ra hạn từ theo như sau đây nếu tội nhân không có tiền nộp phạt:

Số tiền phạt không quá 200 quan sẽ phải từ 1 đến 20 ngày;

Số tiền phạt không quá 400 quan sẽ phải từ 20 đến 40 ngày;

Số tiền phạt không quá 800 quan sẽ phải từ 40 đến 60 ngày;

Số tiền phạt không quá 5000 quan sẽ phải từ 2 đến 4 tháng;

Số tiền phạt quá 5000 quan sẽ phải từ 4 đến 6 tháng.

Lisez

La Gazette de Huế

(Edition française du Tráng-An)

Paraissant le Vendredi

Tarif d'Abonnement

	Indochine	Etranger
1 an	2\$50	3\$50
6 mois	1\$50	2\$00

Ông Aloisi nói rằng ở Phi, Ý chỉ có 200.000 người mà Á thì có những 400.000 người, thuộc địa Ý rất là nguy hiểm. Nên Ý cần phải trợ lực thêm. Ý sẵn lòng rút người về nếu như Á chịu giảm quân bị. Hội-ng nghị tam-quốc không nghĩ đến việc đó, chỉ chuyên bàn về kinh-tế hưu-diện và tuần-phòng cương giới thì giữ làm sao cho Phi-châu yên ổn được.

Ông Aloisi thì cho rằng vì ở Phi người Á nhiều mà người Ý thì ít nên cần phải đưa thêm quân Ý sang để bảo vệ kiều-dân Ý và phòng bị những sự chẳng may có thể xảy ra. Trái lại, các báo Ý thì lại lớn tiếng nói rằng Ý cũng có quyền sinh hoạt dưới bóng mặt trời như các nước khác, dân Ý nhiều, đất Ý hẹp mà Á thì còn như nhiều đất, lẽ dĩ nhiên là Ý phải san dân sang bên đó. Các nước chỉ còn có cách là thuận cho Ý chiếm lấy Á, bằng không Ý cũng cứ khai chiến.

Lý của các báo Ý cũng cứng đầu, nhưng là lý... tương-cứp.

Nhà đoan sấm thuyền mảnh để bắt hàng lậu

Từ trước đến nay, nhà Thương-chánh vẫn dùng các tàu con để đi tuần ngoài ven bờ và bắt các hàng lậu, nhưng xét ra cách này không có hiệu quả mấy, vì các thuyền chò hàng lậu đi ngoài bờ bề trông thấy cá: tàu của nhà Đoan đương đi ở đường xa đã kiếm nôi ăn núp hoặc ở sau các núi hoặc ở các đảo nhỏ, vì thế mà lâu nay không thể triệt hết được bọn buôn lậu, hàng năm thiệt hại cho ngân sách nhà nước rất nhiều.

Gần đây nhà Đoan nghĩ ra một cách là dùng thuyền mảnh để đi tuần ngoài ven bờ bề thì có thể bắt được bọn buôn lậu ở ngoài vịnh Bắc-kỳ nhiều thuyền bè đi lại lắm, bọn buôn lậu sẽ không phân biệt được thuyền nhà Đoan với các thuyền buôn khác mà tìm đường trốn trước được.

Các thuyền mảnh của nhà Đoan đều có lắp sẵn động cơ, lúc thường thì cũng chạy bằng buồm như các thuyền khác, nhưng khi nào các viên chức chiếu ống nhòm trông thấy chiếc thuyền nào có bộ khả nghi thì lập tức cho mớ máy nổ theo, các thuyền lậu sẽ không thể nào trốn kịp.

Hiện nhà Đoan đã định trích ra một số tiền 157.000 \$00 để sắm các thuyền mảnh và các động cơ, còn các tàu trước kia dùng trong việc tuần-phòng ngoài bờ, cái nào đã cũ thì cho bán dần để sắm thêm các dụng-cu tối tân khác.

Bãi tiền phụ-cấp của các y-sĩ Đông-dương

Theo nghị định ngày 3 Décembre 1920, các y-sĩ Đông-dương có bằng tốt nghiệp của nhà nước cấp cho (diplôme d'Etat) và bằng tốt nghiệp của trường Cao đẳng y học (diplôme d'Université en médecine) đều được lãnh một khoản phụ cấp đồng niên.

Ngày 6 AOÛT 1935 quan Toàn quyền đã ký một đạo nghị định bãi bỏ đạo nghị định kể trên, nghĩa là từ nay các viên y-sĩ không được tiền phụ cấp ấy nữa.

ĐẢNG-VIÊN CHỮ THẬP NGOẶC HÀNH-HUNG VỚI NGƯỜI DO-THÁI

Trong thượng tuần tháng juillet tại kinh thành Berlin các nhà chớp bóng chiếu phim Petterson et Beudel là một phim mặt-sắt chế nhạo người Do-thái từ đầu tới cuối. Cốt chuyện của phim Petterson et Beudel là cảnh sinh hoạt của một nhà Do-thái, tấn tiện, bán thịt, đan giầy, sửa đổi, ai cũng cũng phải sẵn lòng tức-giận và khinh bỉ.

Hình như từ mấy hôm đó, người Do-thái có tụm năm tụm ba trước những nhà chớp bóng ấy thì phải. Dàn chúng người Đức quả quyết rằng có trông thấy họ huyet có lẽ hết có ý muốn ngăn không cho chiếu phim Petterson et Beudel. Các đảng-viên chữ thập ngoặc có mặt tại các nhà chớp bóng bữa đó lấy làm bất-bình lắm, cho rằng người Do-thái quá lòng quyền.

Các báo của các đảng-viên sơ-mi nàu có thuật lại rõ ràng sự rũi ro đó và còn thêm nhiều đoạn kịch-thích dẫn Đức « bài trừ » người Do-thái.

« Người Do-thái quên rằng từ xưa đến nay họ vẫn được chúng ta trọng đãi. Ngày nay họ lên mặt, chúng ta cần phải cho họ một bài học đích đáng. Chúng ta phải tỏ cho họ biết chúng ta là hạng người thế nào. Hồi cách mạng quốc gia xã hội họ đưa nhau lần lữa các nơi, nay sao họ không rúc vào những xó xỉnh ấy nữa đi. Chúng ta không thể nhẫn-nục được nữa, lẽ dĩ nhiên phải xảy ra chuyện lối thời mới xong... »

Những tờ báo ấy trong một ngày trời bán hết không biết bao nhiêu mà kể.

Các đảng-viên sơ-mi nàu lấy làm tức tối lắm, nhất-quyết làm dữ.

Đêm hôm 15 juillet, một đội của Hitler nhóm người lửa bằng một cái lịch vô duyên có vào một người Do-thái đứng vor văn trước một nhà chớp bóng. Thấy cách khởi chiến bất-lịch-sự của đảng-viên sơ-mi nàu ấy, một cảnh binh can thiệp vào rồi dẫn anh ta về sở Cảnh.

Chúng quanh sở Cảnh, công chúng đến mỗi lúc một đông, rồi hết lớp này đến lớp khác, chật cả đường, đen ngịt cả phố. Họ hát cái điệu quốc gia xã-hội, ép ông Cảnh phải tha đảng-viên bị bắt. Thấy thái độ họ hăng hái dữ tợn quá, ông Cảnh phải chiều theo ý muốn của họ.

Rồi sở Cảnh, họ ủa kéo nhau đi đánh phá các nhà hàng của người Do-thái. Tiệm cà-phê Bristol bị tan hoang không còn một đồ vật gì là lành lặn. Một người Do-thái chạy trốn không kịp bị đánh như lợn, một thiếu-nữ Do-thái bị đá ném vào đầu trọng thương.

Tám trăm đảng-viên sơ-mi nàu đuổi bắt một người Do-thái chủ ý bắt được là đập chết. May người này chối không phải là Do-thái nên sống sót nhưng cũng chỉ còn thoi thóp.

Trong một nhà chớp bóng, một bọn trẻ tuổi đứng lên hô lớn: Buổi người Do-thái ra ngoài. Tức khắc công chúng theo lệnh cứ thấy người nào khả nghi là Do-thái là đánh đuổi khỏi rạp.

Năm mươi đội cảnh-binh hết sức giữ trật tự mà không nổi. Đã có người tức quá rút súng ra định bắn nhưng các

bạn đồng-nghiệp can-ngăn. Các tiệm buôn lớn các khách sạn phải tắt đèn cả. Không những người Do-thái, người Đức cũng phải trốn tránh sợ các trường áo-nâu họ nghĩ là Do-thái thì nguy to.

Các đảng-viên sơ-mi nàu tâm nã người Do-thái suốt ngày đêm. Họ ngăn cả -ôtô lại, xét người ngồi trong có phải Do-thái không, hỏi lại lịch quẻ quán chức nghiệp, hệ lung tung là nguy đến tánh mạng. Họ kéo nhau từng đoàn hàng mấy trăm người quần áo lôi thôi một mấy dữ tợn đến tàn phá các nhà ở phố Karlsru endamm là phố có nhiều người Do-thái ở.

Sau những buổi hành hung vô-y-thức, tại Berlin người ta đã tính ngó ra rằng cách hành động không suy trước nghĩ sau của các đảng-viên sơ-mi nàu là có hại cho thanh danh đảng chữ Thập ngoặc.

Nhưng thực ra cách hành động ấy có hẳn là không suy trước nghĩ sau không? Ngẫm vậy là làm vì nhiều đảng-viên sơ-mi nàu đã từ tính sắp đặt việc đánh đuổi người Do-thái đã lâu. Hàng tháng trước các báo chí của đảng chữ Thập ngoặc đã nhiều phen kích thích dân chúng đi đánh người Do-thái. Mục đích của họ không phải là đẹp hót lòng kiêu căng của người Do-thái xuống — vì không cần đẹp nó cũng đã tự đẹp rồi — mà là đánh đuổi người Do-thái cho được xuống tay xuống mặt mà thôi. Những người này phần nhiều là những người quá khích của đảng Quốc-gia xã-hội. Trả lời cho dư luận, họ chỉ có cơ: Chúng tôi ghét người Do-thái, chúng tôi không muốn trông thấy mặt họ. Đã hẳn rằng không muốn thấy mặt họ thì đuổi họ đi, nhưng khi họ lảng vảng ở ngoài phố, chờ ai lại vào nhà người ta mà đánh đập tàn phá, các trường áo nàu thật là quá bậy! Họ không nghĩ rằng nếu dân nào nước nào cũng bắt bắt tổng khứ người Do-thái thì mấy mươi vạn những người không nạn ấy biết sống gói thóc nhờ vào đâu?

Tôi nói khổ nạn, vì người Do-thái là một dân không có nước!

TRẦN-DIỆC-TỬ

Các y-sĩ Đông-dương Có thể được bỏ làm bác sĩ Đông-dương

Điền thứ 10 đạo nghị-dịnh ngày 18 Février 1922, do nghị-dịnh ngày 5 Juin 1934 đổi lại, thì nay thay bằng những điều sau đây:

Những y-sĩ Đông-dương có bằng Y-khoa Bác-sĩ của nhà nước cấp cho, đều có thể bỏ vào ngạch các bác-sĩ Đông-dương nếu đã trúng tuyển kỳ thi định ở điều thứ 2 trong đạo nghị-dịnh kể trên. Bây giờ, các viên ấy sẽ được đổi chức Bác-sĩ Đông-dương lập sự. Tuy vậy, nếu ai đã tập sự rồi trong thời kỳ còn là y-sĩ Đông-dương, thì được miễn lệ tập sự và được bổ làm bác-sĩ Đông-dương hạng năm ở trật nào mà số lượng hỏng sẽ ngang hay là hơn ngày số lượng bằng của viên ấy lĩnh khi còn là y-sĩ Đông-dương.



huân đại bân
1935

— Ông ấy mà cũng biết nhảy sao chi?
— Chỉ tính từ sau tiền ở luôn bên Tý lấy tam tau tau tại chi không biết nhảy!



Bà Đan là bà gì?

Ở Tây-ninh (Nam-kỳ) có hòn núi Bà-den. Trong núi có nơi phong cảnh đẹp và có hai ngôi chùa; một ngôi gọi là chùa Kim-sa, thờ Linh-sơn Thánh-mẫu.

Kim-sa nghĩa là «cát vàng». Vì ở đó có cát khe chảy ra nước lã, mát mà bùm nước vào tay xem thì thấy trong cát có bụi vàng lông-linh, có lẽ núi đó có mỏ vàng thì phải.

Còn Linh-sơn Thánh-mẫu thì hình như một vị thần-tiên gì trong tiểu-thuyết. Nhờ như trong truyện Đường có Linh-sơn Thánh-mẫu dạy phép cho Phán Lê-hoa.

Chùa Kim-sa thờ Linh-sơn Thánh-mẫu cũng như Đạo Cao-đài thờ Tê-thần-đạt-thành; ở Nam-kỳ thì người ta làm như thế, không có gì đáng lấy làm lạ.

Mới rồi đức Bảo-đại có phong sắc cho vị thần thờ trong chùa đó nhưng cho Bà-Đen chứ không phải cho Linh-sơn Thánh-mẫu.

Phải, Linh-sơn Thánh-mẫu là thần thánh trong tiểu-thuyết, nhà văn không phong sắc cho, cả nhơn rồi; nhưng sao lại phong sắc cho Bà-Đen? Bà-Đen là bà gì?

Sắc như thế này: «...Làng ở tại phụng sự Bà-Đen mấy lâu, năm trít linh ứng, nay phong cho chức Đức bảo trung hưng linh phù chỉ thần v.v.»

Tôi đọc lời mà tức cười quá. Không biết cái ông gì ở đó Lễ làm cái sắc này, ông có biết Bà-Đen là bà gì không?

Ông làm rồi, mà cái làm của ông to cũng bằng con voi Đờ Bảo-đai mới mua về!

Chúng những bà-Đen không là bà gì mà cũng không có bà ấy nữa!

Những tên đất trong Nam-kỳ có nhiều tên bằng tiếng «bà» như Bà, như Bà-Đen, Bà-hom, Bà-quo, Bà-diêm...

Ấy là tên của Cao-miền mà rồi là tên theo Bà-Đen cũng như các tên «bà» trên đó, chỉ là tên đất mà thôi, chứ không phải Bà-Đen có thể dịch ra là «Madame Noire» đâu vậy!

Như thế thì sao người ta lại thờ bà ấy được mà «năm trít linh-ứng» kia? Như thế thì làm sao nhà-quai lai phong sắc cho được mà?

Bà-Đen chỉ là tên một hòn núi kia mà!

Mà theo tiếng Cao-miền cho đúng, núi ấy phải kêu là Chon-bà-Đen chứ không phải Bà-Đen.

Vì thôi, nguyên tên núi ấy là Chon-bà-Đen mà người miền kêu bà-Đen đi mất một tiếng.

Nếu cái ông gì làm sắc sắc rồi Bà-Đen nghĩa là người đàn bà mặt đen thì ông cũng nên nói luôn rằng bà-quo là người đàn bà có tay quai hay chân quai. Nhưng không thay đổi bà-ria, bà-hom, bà-diêm thì ông không cần nghĩ được nữa!

SAO-ĐUỐI

TIẾP THEO BÀI «THÁP CHÂM MÀ THỜ TƯỢNG MẪU»

VIẾNG.... BÀ

«... nghe đầu bà này lại hiền-hàch oai-linh nữa. Ngán cho tâm hồn mê tín của người Nam...»

Đó là lời của ông Pathé mà tôi đã đọc ở bài «Tháp Châm mà thờ tượng Mẫu» trong Trang-An số 47. Tuy ý tưởng của ông Pathé không phải là ý tưởng của tôi, nhưng đọc đến đoạn văn ấy trong lòng tôi phát ra một cảm tình như mong mỏi, như quai gở đối với ông Pathé. Vậy để nối theo bài của ông Pathé, tôi xin chép lại đây, một bài đi viếng Tháp Bà (tức tháp thờ Thiên-Y-Thần-Nữ) của tôi. Tôi ước ao rằng các bạn, như là các bạn còn trẻ tuổi như tôi, xem đó mà suy nghĩ.

Một ngày rằm, tôi bị bắt buộc phải thay một chiếc tôi mà đi lễ bên «Tháp Bà». Tôi hết sức từ chối, vì tôi đã tin rằng những thứ ông, bà, cô, cậu ấy chẳng quan hệ gì đến tôi và loại người như tôi.

Trong lúc ấy tôi đã muốn đem bao nhiêu lý thuyết của tôi mà khuấy rối cái óc mê tín của chị tôi một bữa. Nhưng, việc là «việc trên đầu trên» (1) của chị tôi, mà cái thần tôi còn sống gối nơi chị tôi, nếu tôi phạm đến cái long tin người là cái linh thiêng, cái bất khả xâm phạm của chị tôi, thì chắc nguy đến sự sống nhờ của tôi. Vì thế mà tôi buộc lòng phải nhân lời.

Ngồi trên xe kéo từ từ chạy, nắm quả phật, bó hương vàng, ve rêu trước mặt tôi, tôi thấy trong lòng bất rất khó chịu. Ngồi yên vững, tôi đã muốn ngừng xe lại, ném hết phẩm vật bên lề đường rồi trở về, nhưng lại sợ chị tôi bay được. Tôi phân vân lưỡng lự, anh kéo xe vẫn vô tình cậm cụi đưa tôi đi. Bất giác tôi lại nghĩ: tôi đi lễ đây cũng không khác tôi được chị tôi sai đem một vật gì biếu người quen.

Ly nghi ấy đã an ủi tôi rất nhiều. Tôi lại thấy khoan khoái dễ chịu. Một nụ cười với trời, đất, cây, cỏ, nét mặt tôi bấy giờ có vẻ hài hước, lão ngợ. Tôi sẽ lấy một cách cho ông nghĩ. Tôi sẽ khấn một câu cho khỏi hãi. Tôi sẽ nhìn hai cái vú đen xám của pho tượng «Bà» mà mơ ước... Tôi sẽ nhìn khối trán hương mà cười thầm. Tôi sẽ nghĩ mấy hồi chuông mà gõ nhịp. Tôi sẽ hành động thể nào cho khác hẳn mọi người, vì trong tâm trí tôi không có chút gì là sáng thượng tôn kính cả.

Xe ngừng dưới chân núi. Tôi thông thả bước trên mấy tầng cấp cao. Tôi còn nhớ một lần năm ngoái tôi đã đến đây, rut rệ, e lệ, kính sợ bao nhiêu thì ngày nay tôi lại mau mắn, tự nhiên, lão xược bấy

hiển, hình như không có sức mạnh gì có thể đàn áp được lòng tự tin của tôi.

Lên hết hàng mấy chục tầng cấp, tôi đi ngay đến cửa tháp. Lão từ lợm khom đi bước ra đón tôi và dẫn tôi vào.

Trong tháp như một gian phòng chật hẹp. Tôi chưa kịp nhìn cảnh vật trước mắt tôi, thì mùi trầm hương đã thoảng lọt vào mũi tôi. Ánh sáng lu mờ của hai ngọn đèn lay động bay giờ chiếu thẳng vào mặt tôi. Pho tượng đã đen thui thui hệ vệ trên cái đỡ cao, như muốn chỉ ngay vào cái lòng ngạo mạn của tôi.

Khởi hương nghi ngút. Sau ba hồi chuông như kêu gọi, như thúc dục tâm hồn tôi, thì trong tháp không còn một tiếng gì chuyển động. Lão từ khập nép bên góc lư như muốn ăn mình. Hay giờ giữa cảnh vật tối nghiêm, vắng vẻ. Bà với tôi, tôi với bà đối diện nhau, tâm hồn tôi thấy khác hẳn. Trước khi vào đây lòng tôi, với những điều đã định, như băng hải, như quả quyết. Bây giờ lại lo sợ. Tôi định từ chối sự chào hỏi với sự cảm động của vẻ oai nghiêm, của môi trâm hương, của ánh sáng đèn và của pho tượng. Nhưng trước một vật vô tri giác mà người đều sùng thờ, lòng tôi không thể không tôn kính. Tư tưởng tôi chỉ có thể xuất hiện, một cách run rẩy sợ ở trong câu khấn: «Thưa bà, tôi tên là... vắng lời có... đem kính bái một nữ cháu, một em rêu và một bó hương vàng, xin bà vui lòng thần nhân cho...»

Khấn xong tôi thấy lòng tôi thêm hoi hoi. Trái tim nhảy mạnh, tôi phát lạnh mình. Tôi lo sợ, tôi hồi hân. Mút trầm hương, ánh sáng đèn, như nâng niu, như âu yếm, như quyền rũ tâm hồn tôi. Nhìn pho tượng tôi chỉ thấy vẻ oai nghiêm bất tử phải kính sợ. Cảnh vật đã mê muội lòng tôi.

Một hồi chuông, đội vang, bốn phía thánh đàng phủ kín tôi, như thức tỉnh tôi trong giấc mộng. Lễ xong tôi bước chân ra khỏi tháp. Trời sáng sủa, không khí nhẹ nhàng. Nhìn xuống, bên mé đường một đám dân lao động đang cặm cuội làm dưới ngọn roi nghiêm khắc của người coi việc. Tôi thấy khoan khoái. Tôi vẫn tin chắc rằng những «cái ấy» không quan hệ đến tôi, đến sự sống của tôi, và loại người như tôi. Than ôi, người ta đã khéo giăng một bức màn oai linh lên để mê muội không biết bao nhiêu linh hồn non nớt yếu hèn!...

MAI-THANH-LÂM
(Như-trang)

TIẾNG DÀN KÈU

Một người lái cây bị phạt ở Chợ-củi kêu oan

Hắn-bao vừa nhận được phong thư báo lệnh, mở ra thấy cái giấy kêu oan dưới này, vậy đành lên đây để quan trên minh xét cho người mắc oan nếu là oan tuất. Và phân chúng tôi không thêm lời gì vào hết, vì chúng tôi chẳng biết thực hư trong việc đó thế nào.

— Lời Tầu soạn.

Faifoo le 23 Août 1935

Kính trình ông chủ bút báo Trang-An, Huế.

Tôi tên là Vương Toàn, nghề buôn, nhànghèo, biết chữ Quốc-ngữ, xưa nay không can liên khoản gì.

Sanh và trú tại làng Kim-hồng, tổng Mỹ-khê, phủ Duy-xuyễn tỉnh Quảng-nam.

Xin nhờ quý báo lấy lòng công-minh dâng cho tôi sự oan ức sau này:

Nguyên ngày 25 tháng 6 Annam, tôi tên Xuân-sơn chủ về Kim-hồng 6 miếng kiềng-kiềng, 1 miếng gỗ, 2 cây cồng. Khi đi qua trường thuế Hát-lân, tôi có lo với thầy cai tên là Hồng một số tiền 6500, thầy ấy cho đi và dẫn rằng khi về với tôi Chợ-củi, phải tìm thầy đội Kiêm-lâm tên là Khắc mà lo cho thầy ấy 6500 nữa mới cho luôn về được.

Qua ngày 26, về tới tôi Bình-long, tôi tin cho thầy đội Khắc ở Chợ-củi biết, thầy ấy liền tới cư dân lại để chờ được chỗ về, vì mới vừa rồi có xảy chuyện mao Kiêm-lâm đương bắt cây tại Kim-hồng chưa yên.

Tôi vàng lời đầu lại, mỗi đến tháng 7 Annam mới thả bà về tới Chợ-củi. Theo thói thường, tôi có đến tìm thầy đội Khắc để lo bạc cho thầy mà chờ đi, thì thầy nói rằng: Quan Kiêm-lâm ở Hát-lân mới về bắt cây tên là Kim-hồng, đương oán tôi, tôi, thầy không dám thả cho đi, thầy chỉ làm ơn mà đánh thuế hề cây của tôi theo hạng gỗ tạp.

Nhưng tôi không có giấy coi về hạng gỗ tạp. Tôi thấy thầy tôi đi mượn giấy coi về gỗ tạp của tên Huỳnh-Vân đưa lên cho thầy. Khi ấy đã 12 giờ khuya. Không hiểu vì lý gì — thầy ấy sợ đồ bẻ ra chăng — thầy lại báo với Thượng-chánh Chợ-củi bắt tôi đánh thuế nặng và phạt bạc thêm nữa.

Tôi thiết nghĩ sự gian-lậu đánh rành của tôi đây cũng vì buổi «Kính-tế», buồn thua bán-lô mà đánh bạc làm ăn, vốn tin chắc ở bức màn ám-muội của thầy đội Khắc mà đã không tin được thì cũng đành cam chịu vậy.

Sau khi xét hỏi, quan Thượng-chánh đánh môn thuế tôi 39500 và phạt tôi 50500, hạn 8 ngày đem nạp, tôi cũng xin tuân.

VƯƠNG-TOÀN
(xem tiếp trang 3 cột 2)

TÔI KHÔNG QUÁNG ĐÀU!

(Trả lời lại ông Thanh-Viên)

Sau khi bài «Từ tòa Khám sang các Bộ» đã chiêm-chê trên trang nhứt tờ Trang-an, tôi có cảm tưởng từ nay sẽ bị các quan bên Nam-triển ghét ngon ghét ngọt — hay hơn nữa — coi như thủ không đối trời chung. Phải, nói phạm đến các «phu-mẫu dân» tôi ấy thì sao được, ngựa xược lắm! Năm mươi năm về trước hân Tiều-diệu-từ tôi đây phải nếm không biết mấy chục roi trượng hay bị dầy ra một hoang-đảo nào đó như An-tiêm của ông Nguyễn-trọng-Thuật. Cũng may mà sinh sau đẻ muộn nên không phải chịu những hình phạt nặng nề ấy. Thất nghĩ đến mới hay rằng mình cũng dầy phước!

Báo ra được một ngày, hai ngày, ba ngày, ăm, không xảy ra chuyện chi. Các quan vẫn một ngày hai buổi về Bộ làm việc, trịnh-trọng nghiêm chỉnh trên nững chiếc xe nhà kéo bởi những «hà sĩ quan» của vệ Thân-binh Tả tam hay Hữu-từ. Đã mừng thầm các quan ban cho chữ «b», ngờ đâu ngày thứ tư, ông chủ-nhiệm đưa cho một lá trát à quên một lá thơ mà nói rằng: «Ông Tiều-diệu-từ, các quan trả lời bài từ Tòa Khám sang các Bộ của ông». Ấy mới chết, ra chưa yên chuyện! các quan trả lời! ở lại, các quan có bao giờ trả lời, trừ khi «trả tuân» thì không kể!

Hân hạnh cho tôi lắm, một đàn làm báo không tên tuổi mà được các quan để ý đến! Nồng lòng muốn biết vị quan «tác-ph» lại trả lời ấy là ai, tôi lật trang cuối cùng thì thấy vắn-vắn hai chữ «Thanh-viên». Thanh-viên là tên vị quan ấy, nhưng Thanh-viên chỉ là một biệt-hiệu che đậy cái tên thật khui trong sinh-thi giả-thủ của vị quan ấy. Nếu trong lá thơ riêng kèm với bài trả lời tôi ông Thanh-viên cho tôi biết tên thật của ông thì tôi đối ơn ông biết chừng nào! Nhưng không, các quan có bao giờ làm thế, các quan bao giờ cũng nhàn nhàn. Ai bảo các quan bay phất phất là nói lão. Hân ông Thanh-viên có đeo hai ngà cũng để giấu trong áo, không phải vì ông chức phận nhỏ không muốn phô bày nó ra, ông Thanh-viên cũng như nhiều vị quan khác rất nhàn nhàn. Tôi khen cái đức-tĩnh ấy của các quan.

Bây giờ nói đến hai ông Thanh-viên trả lời tôi.

Mở đầu, ông gọi tên tôi ra, rồi mắng là «bạt tử». Chưa hề giận, ông còn nhếch lá để «quang ph»! Nếu tôi câu chấp về phép lịch-sự, hẳn ông với tôi đã có dịp trao đổi danh thiếp. Nhưng trong một bài trả lời, chỗ quan hệ là ý tưởng của bài đó, lời lẽ nhữ

nhận hay xức lão chỉ thuộc về phần phụ. Tôi để ý đến phần chính mà khinh rẽ phần phụ.

Về phần hình thức các Bộ ông Thanh-viên biểu đồng tình với tôi, nghĩa là công-nhận rằng tôi không quáng quác, cảm ơn ông hết sức. Ông cho sự thiếu-thốn câu trả lời là do sự thiếu hiểu biết của Chánh-phủ Nam-triển. Nhưng nếu biết thu vén, biết bỏ bớt những khoản tiêu pha vô-ích như hội-hè, chạy đàn v.v. thì chỉ trong vòng mấy năm ta sẽ có một dầy Bộ mới-mẻ, nguy-ngha không đến nỗi bở thẹn với... Tòa Khám hay với các công-dương bên Bảo-hộ. Về vấn-đề này tôi chỉ dám nói qua-loa thôi, sự quá tay động đến những vị «bất khả xâm phạm» thì khôn! Điều tôi chắc chắn nhứt là: nếu Chánh-phủ Nam-triển muốn lợi về đường tài-chánh, thì chỉ có cách là bãi bỏ những cơ-quan vô-dụng đi, với những cơ-quan ấy biết bao nhiêu con mắt của kho Nội-vụ!

Trong bài «Từ tòa Khám sang các Bộ», tôi có tả một vị an-quan trước bàn giấy. Vị an-quan ấy — mà tôi cho là đại-biểu cho nhiều vị an-quan khác — chính ông cũng công-nhận là có, vậy tôi không mang tiếng là hạ-dật để nói xấu quan-trưởng. Tôi với ông mẫu-thần nhau có chăng ở chỗ ông thì cho số các quan «điêm thuốc» ấy là ít, mà tôi cho rằng số hũ còn nhiều. Chẳng qua là ông ít dịp được thấy mà tôi thì được nhiều dịp thấy. Có thể thôi.

Ông có mời tôi đi thăm mấy Bộ Giáo-dục, Tư-pháp, và Tài-chánh để rõ sự sai lầm của tôi trong khi bình-phâm, và cách làm việc ở các Bộ. Đồng lòng với ông, mấy bộ kể trên thật không là với cuộc đại cải-cách 2 Mai. Nhưng thưa ông Thanh-viên, nếu Chánh-phủ Nam-triển chỉ ba Bộ ấy thôi thì tôi đâu có viết bài từ tòa Khám sang các Bộ?

Muốn biết tôi không nói ngoa, xin mời lại ông Thanh-viên có rảnh thời giờ hãy quá bước tới thăm các Bộ mà vô ý hay hữu-ý không thấy ông kể ra trong bài trả lời tôi. Ông sẽ thấy — đúng như tôi đã nói — những nơi đó thiệt là một tiếm cup tọc, một phòng tắm, một sông bạc và một đôi khi lại là một hiện bản phở nữa! Viết đến đây, nếu tôi là một nhà thi-sĩ hãy một nhà đạo-đức, tôi sẽ chép miêng thơ dài, nhưng không, với cái tuổi trẻ trung mơn mơn nhẹ hồng trên vai tôi không biết thơ dài hay chép miêng, tôi chỉ biết ngất-ngheo cười xoa. Thế cũng đủ, phải chăng ông Thanh-viên?

Phần chót bài trả lời tôi, ông Thanh-viên có nói về vấn-đề y-phục các thuộc quan

Việc vật kinh đô

Con voi mới mua đã ra tới Huế

Trong một số báo trước có đăng tin rằng Hoàng-thượng mới mua thêm một con voi ở miền Đai-lai, giá là 15000\$.

Con voi ấy đã đem về tới Huế ngày 22 Aout vừa rồi. Trước khi đến Huế, có cho hai con voi ở Kinh đô đón nó chặng đường. Khoảng 11 giờ hơn ngày 22, thấy nói cầu Trường-tiền bị cấm người và xe-cô qua lại trong 24 giờ. Lúc đó cho voi đi. Quả-như bị cấm thật: giờ ấy là giờ các sở bãi ra nên hai bên đầu cầu đông nghịt những người và xe tay xe đạp. Một chốc thì ba con voi cùng ở phía nam sông Hương qua cầu mới lần. Con voi mới mua đi giữa.

Nó to lớn lắm mà chỉ có một ngà. Có người nói nó được mang danh là «A-bác được».

Lễ trình sắc của quan Thượng thư Kinh-tế Nguyễn-khoa Kù

Ngày 23 Aout, quan Thượng thư Kinh-tế làm lễ trình sắc để yết kiến thần linh tại đình làng An-cụ.

8 giờ, viên chức trong làng vào rước đạo sắc của quan Thượng thư ra đình, làng mà làm lễ. Trong khi làm lễ yết-kiến đó có người Tư-văn tuyên đạo sắc lên.

Lễ xong lại rước qua chỗ Tôn-tộc 14-dương, cũng làm lễ như vậy. Trong khi rước sắc thì quan viên chức dịch trong làng đi ra về rất nghiêm chỉnh và long trọng. Quan huyện Hương-thủy là Tri-huyện sở tại cũng có đến quan cổ trong khi lễ tế, và sau lúc kháo-dãi.

Làm lễ xong lại rước vào chùa riêng của quan Thượng thư tại xóm Từ-tây, về đất Nội-tân, (gần núi Ngự-binh) để làm chay.

Quan Thượng thư có xuất ra và giao cho lý-chức 50\$.00 để làm lễ cúng tế, sau nữa để kháo-dãi viên quan viên trong làng.

Chiều hôm sau 24 aout, quan Thượng thư có mời rất đông khách Tây Nam đến dự tiệc champagne và xem múa hát.

Quan Khám-sứ Thibaudeau sắp trở sang

Quan cai trị Thibaudeau nguyên quyền Khám-sứ Trung-kỳ cũng phu nhân về Pháp nghỉ đã đáp tàu d'Artagnan ở Marseille sang Đai-gi-dương, chỉ trong ít hôm nữa sẽ đến Saigon.

trong khi làm việc. Ý-kien của ông rất hay, hẳn được nhiều người hoan - nghênh. Nhưng đó lại là chuyện khác không dính líu gì đến Tiều-diệu-từ tôi vậy Xin cho nó ra ngoài phạm-vi bài này.

Tiêu-Diệu-Từ

TRANG-AN BÁO — 20

Dịch giả: PHONG-TUYỀN

ÔNG CU NON TUNG

XVII. — TRONG NÚI BỎNG GẤP NGƯỜI (tiếp theo)

Bỗng nổi lên một cơn gió bắc, mây đen bủa kín, giữa khoảng không lại thấy tuyết sa. Tôi dương đứng, chợt thấy một ngón chân hơi đau, và như có vật gì nhúc-nhích ở đầu ngón chân ấy. Cái xuống xen, thì ra một con thỏ trắng lớn lắm, chẳng hay nó đến lúc nào, mà ngón chân tôi mà cắn. Con thỏ, lông trắng tinh, diệp một sắc với tuyết, mới nhìn qua, không phân biệt được, chỉ như hai con mắt nó đỏ ngầu, dăm dăm ngó sáng lấy tôi, làm tôi nhận được ra. Ông vật này không làm hại ai được, đáng lẽ không nên giết nó; nhưng cái chân tôi bấy giờ như ngứa, bèn đá con thỏ một đá văng ra chết ngất. Kể đó có bốn năm con thỏ khác kéo nhau ra quanh

quần bên chân tôi. Bấy giờ tôi mới biết rằng ở đây chắc có hang thỏ, vì tuyết sa lấp hang nên nó phải tuôn ra như vậy. Và núi đã có nhiều thỏ, chắc không có thú dữ nào, như đó làm cho tôi mạnh dạn đi tới. Bị được mười dặm, tôi vào đến giữa núi rồi mà trời vẫn còn gió và tuyết chẳng thôi. Bấy giờ tuyết sa càng nhiều. Tôi không đợi non phồng mưa, trên đầu chỉ có cái mũ nỉ, tuyết xuống chất lên quá nặng, chốc chốc tôi lại phải lấy mũ xuống mà抖 đi. Con áo quần mặc trong mình thì tuyết cũng dính dáy cả, làm tôi vừa thấy lạnh, vừa thấy nặng nề khó chịu, bèn háng hai đi mau mau cho đỡ bớt.

Những dấu chân ngựa trong tuyết

sa dăm hôm qua đã bị lấp tuyết mới sa dăm hôm nay che lấp cả rồi, không còn tìm thấy được nữa, tôi khi ấy thấy mình bối-rối, chẳng biết nên trở lại hay nên đi luôn.

Huống nữa, bữa cơm sáng chưa ăn, thấy kiến bò trong bụng, mà muốn ăn cũng chẳng biết ăn ở nơi nào. Sau nhớ lại trong túi áo có mấy phồng bánh ngọt mua chiều hôm qua, tôi lấy ra ăn cho đỡ đói. Ăn xong không có nước uống thì tôi cần đòi những cục tuyết lớn mà nuốt. Qua cơn đói khát rồi, nhưng còn cái vấn-đề đi luôn hay trở lại, tôi cũng vẫn chưa giải-quyet.

Một mình trong núi sâu, tuyết ngập đến trên mắt cá, tôi càng bần-khoảng lo nghĩ: Nếu mình cứ đi tới nữa chẳng có mục-dịch gì, huống tuyết lớn thế này thì đi sao được? Nhưng nếu trở về thì lấy lời gì đối với Già-Nhân? Sau lại, trong trí tôi như hắt ra một tia sáng. Tôi nhớ lại từ lúc vào núi đến giờ chỉ đi theo một con đường mòn mà thôi, không có rẽ sang

đường nào khác. Vậy thì sau khi tuyết sa đủ đầu chân ngựa đi mất hẳn rồi đi nữa, ta cứ theo chừng con đường này mà đi cũng không đến nỗi tuyệt vô hy-vọng. Vì ta đã quyết đầu chân ngựa ấy là ngựa của kẻ trộm, thì tôi hề nào nó cũng đi về sào-huyệt nó ở một con đường này và ở trong này chờ chẳng ở đâu. Nghĩ vậy rồi tôi cứ nhắm chừng theo con đường ấy ngược một về phía tây mà đi tới.

Đi quanh co một lúc, ngo chừng đằng trước gần hết núi, bỗng thấy một lối rẽ ngang. Ấy là một con đường tắt có những đá lổm chổm, tưởng như ít ai qua lại. Tôi đánh liều rẽ theo lối ấy, đi một đôi, gặp mấy hòn đá dựng ngất trời. Trước chân hòn đá dựng ấy, tuyết đóng mỏng hơn chỗ khác, tôi trực nhìn lại thấy dấu chân ngựa rõ ràng. Coi chung quanh đó, không có dấu chân nào khác. Thấy thế tôi vừa mừng mà lại vừa lo. Lo đường khiêu-khê thế ấy mà cỡi ngựa đi được, kẻ trộm này thật

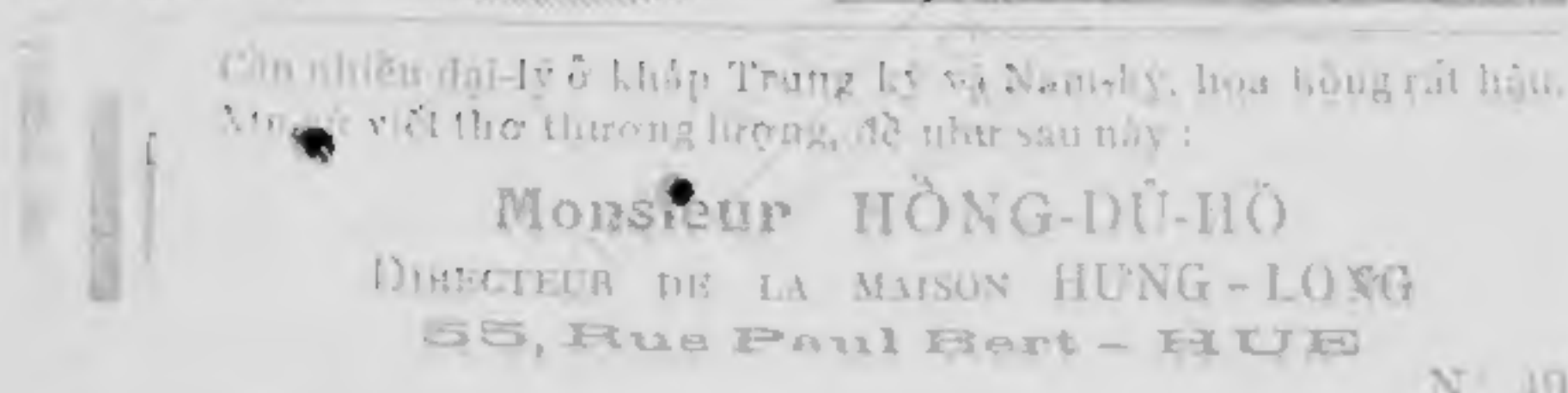
chẳng phải vừa, ta để gì mà dương diện lại với nó. Còn mừng là vì sau khi tuyết sa còn lại thấy dấu chân ngựa, hề nào sào-huyệt của quân gian cũng ở trong núi, sự do-tham của mình chắc hẳn phải thành công! Nhưng hân núi này nhàu-vi hơn 40 dặm, mệnh-miền như thế mà sao chỉ có một con đường vào được, nghĩ cũng hơi là một chút. Sào-huyệt của chúng nếu ở một con đường này thật, thì khi có quan binh tới vậy há! chẳng mới chạy thoát ngó nào? Nghĩ tới đó, tôi dương như không tin ở mình cho lắm, và càng để ý phòng n ra trong khi mao hiềm cử một đường đi tới.

Đi đến đây tôi mới biết rằng từ này tới giờ mình trời-leo mãi mà không hay, vì tôi đi là chốt núi. Ở đây ngo xuống thấy các triền núi chỗ bầm chỗ trái đều ở về phía trước, mà này giờ tôi đi ở phía sau. Xem trên núi, thấy không có nhà cửa gì hết, tôi để quyết rằng nếu có sào-huyệt của quân trộm thì chắc ở trong hang

đá. Và bọn chúng chắc cũng không mấy lắm người, có xấp nhau mình cũng chẳng lấy làm đáng sợ cho lắm. Bụng nghĩ như thế, nhưng bốn bề tuyết phủ, biết sào-huyệt nó ở đâu, tìm đâu cho thấy chúng nó bây giờ?

Chợt xa xa trước mặt tôi có mấy luồng khói bay lên từ từ lẫn vào trong tuyết. Mới thấy tôi ngỡ là mây. Nhưng nếu là mây thì không nóng đến thế. Còn nếu là ngạt thì chỉ nhè có giữa ban trưa. Mấy luồng khói ấy, sau khi nghiên-nguĩ, tôi quyết cho là khói nấu cơm. Rồi tôi đoán ngay rằng sào-huyệt chúng ở đó. Tôi liền nhắm chỗ có khói lên mà đi tới.

(Còn nữa)



A horizontal strip of a film negative, showing a landscape scene with trees and a body of water. The image is inverted, with the sky appearing dark and the ground appearing light. The strip is slightly curved and shows some wear and tear, including small white specks and a faint vertical line near the left edge.

PHÉP CHÂM-CHÍCH HAY LỀ CỬU

(Cầm địch, chuyển đũa và trích ra làm sách)

Bài thứ tư

Y-lý của khoa-học châm-chích

Thuyết đối đãi của âm-dương là một thuyết trọng yếu trong khoa vật-lý-học của Á-châu. Theo các nhà danh y xưa, khí thuộc dương, huyết thuộc âm; khí có thể so sánh với gió, huyết so sánh với nước, gió thổi làm cho mặt nước rung động; khí huyết ở trong ống máu (huyết quản) sanh ra các thể mạch như là phù, trâm, tri, sắc. Hai cái động lực khí huyết hợp tác mà cái quán tất cả các bộ phận sanh hóa trong thân thể.

Sách thuốc Tâu chia các cơ quan của người ra làm hai hạng:

- 1) Thuộc về dương thì có: ruột, bao tử, bóng mật, bóng đái, cật bên mặt;
- 2) Thuộc về âm thì có: quả tim, lá gan, phổi, lá lách, não và cật bên trái.

Lá lách (la rate) thuộc về âm nghĩa là trong cơ quan này phần âm nhiều hơn phần dương; cũng như bao tử (da dày) thuộc về dương nghĩa là ở đó phần dương nhiều, phần âm ít. Khi âm dương vận động luôn trong thân thể: bắt đầu từ lá phổi (gió dẫn) cho đến chỗ cuối cùng là lá gan (gió dẫn); theo một hành trình nhất định, mỗi một giờ của âm lịch thì khí âm-dương đi qua một địa phận của thân thể. Vận khí trong thân thể là một thuyết đặc biệt của Tâu. Người thái y đã nghiên cứu châu đạo về sự châu-lưu của hồng-huyết của bạch huyết, về các đường thần-kinh-bệ, họ không khi nào nghĩ đến cái lời «vận-khi» của Tâu.

Sách Nội-kinh có câu: «Khi nào khí huyết mất điều hòa thì vận bệnh nổi lên». Vận bệnh do do một căn nguyên mà sanh ra.

- a) Dương thịnh âm suy;
 - b) Âm thịnh dương suy.
- Sự hư thiệt do phát hiện nơi sắc mặt, tiếng nói, hơi thở của người bệnh và nó cũng phát hiện nơi mạch nữa. Ở đây không thể nói đến các thể mạch được, phải nhiều quyển sách mới biên hết các lý luận mạch Tâu.

Nhà châm-chích cần biết nhất là mạch hư và mạch thiệt để mà bổ hoặc tả, nghĩa là thêm hoặc bớt. Vì dù gặp một người bệnh đau bao tử, nhón ra thuốc chích dương sự, thì làm phép bổ dương hay là làm phép tả âm để cho hai cái lực âm-dương có cho điều hòa.

Kinh lạc và huyết

Mỗi một cơ quan trong thân thể (hay là một vài phần sự của cơ quan ấy) đều phân chia nơi bi-phu, phần chiếu theo một đường như đường vi-tuyến của địa-cầu, đường ấy gọi là «lạc». Trong mỗi lạc có nhiều châm, mỗi châm có một địa vị nhất định, châm ấy gọi là «huyết». Khi nào một cơ quan thụ bệnh bởi sự âm-dương bất hòa, thì người ta thấy đau nơi một vài huyết thuộc về lạc của cơ quan mắc bệnh; cái đau nơi huyết đó hoặc là thỉnh thoảng ra, hoặc là người ta có động chạm đến nó mới xảy ra.

Cả thấy có 14 lạc:

2 lạc gốc ở giữa trung tâm, một đường chạy phía trước; một đường chạy phía sau (lạc Nhâm và lạc Đốc).

12 lạc khác chia ra như thế này:

Ở cánh tay 3 lạc ở phía ngoài, (membres supérieurs, 3 lạc ở phía trong, supérieurs,

Ở cánh chân 3 lạc ở phía ngoài, (membres inférieurs, 3 lạc ở phía trong, inférieurs)

Những lạc này thành chất khác nhau, có cái thuộc về

âm, có cái thuộc về dương; có cái khởi đi từ thân mà ra tới ngón tay ngón chân; có cái khởi đi từ ngón tay ngón chân mà đi vào thân. Lạc nào cũng đi dựa theo bề dài của tứ chi, chứ không phải theo đường của bạch huyết hay là hồng huyết; lạc họ thông với lạc kia nhờ những huyết riêng gọi là «Kinh».

Sách «Châm-chích đại thành» nói rõ những lạc, huyết nhưng mà hình vẽ của sách ấy quá tệ cho nên nhiều người xem hay lộn.

Cách diêm huyết

Các nhà làm thuốc bắc cho sự diêm huyết rất khó, vì họ khi trước họ không học khoa «thần thể». Một cái khuyết điểm rất lớn, phải nên bồi bổ. Có nhiều huyết để chăm sóc nó ở chính nơi có sẵn danh từ (points anatomiques), thí dụ như:

Lỗ rốn (thần khuyết, ombilic);

Xếp lẻo (pli articulaire); Đuôi xương mỗ ác (cervix, appendice xyphoide);

Những huyết ấy nằm chung với những nơi mà thần thể học đã chỉ rõ, cho nên biết thần thể học thì tìm mau. Còn những huyết ở ngoài các đầu thần thể (points de repère naturels) thì sách xưa có bày nhiều phép diêm:

a) Diêm nơi từ chi. Thí dụ lòng tay làm thuốc — Bề dài của lòng giữa của ngón tay giữa, nam tử, nữ hữu. Thuốc tay đó gọi là «thần». Như muốn diêm huyết «Lạc-cân» thì do từ mắt cá trong thẳng lên năm thần.

b) Diêm huyết ở đầu thì dùng thần khác: từ trước ra sau, từ chân tóc trên đến chân tóc ối, do một đường, lấy đường ấy chia làm 12 phần, một phần mười hai (1/12) là một thần; thần này để diêm các huyết (theo đường ngang từ lá qua gối) thì dùng «nhân thần». Nhân thần nghĩa là bề dài của con mắt hai mí nhắm lại.

c) Ở ngực và bụng, do theo hệ ngang thì dùng thuốc vù. Do một đường ngang, đi qua hai núm vú, chia đường ấy ra tám phần — một phần tám (1/8) là một thuốc vù.

Cũng ở ngực-bụng, theo chiều dọc, có ba đoạn, mỗi đoạn phải theo một thuốc khác: Đoạn thứ nhất, từ «chiến-trung» xuống ngang vú, lấy một phần làm (1/3).

Đoạn thứ nhì, từ vú đến rún, lấy một phần chín (1/9).

Đoạn thứ ba từ rún đến hội-

âm, lấy một phần năm (1/5).

Về sau lưng, chính giữa, có một lạc gọi là «lạc Đốc», rất quan hệ, những huyết ở trong lạc này dùng chữa nhiều bệnh. Hai bên «lạc Đốc» có lạc bằng quang cũng quan hệ lắm. Diêm huyết ở đây, theo sách rất khó, làm hay sai; theo cách tay rất dễ, khi nào chúng tôi xuất bản quyển «Châm-chích cấp cứu» sẽ có in nhiều bức vẽ và bức bóng để cho độc giả dễ nhận và dễ tìm những huyết đáng dùng. Ở sau lưng, chính xương sống, chỉ có bốn đốt thần thể là rõ ràng dễ chỉ; nói đông dài mấy cũng không hiểu.

Tóm tắt lại, phép diêm huyết dùng những thuốc sau này:

Bề dài của lòng giữa thuộc ngón tay giữa;

Bề dài của con mắt hai mí nhắm;

Bề dài của lỗ miệng hai mí nhắm;

Người lâu nghĩ ra phép đó như vậy rất tinh xảo, chỉ có phép đó mới thích hợp với từng người ai có thuốc riêng này. Có người cao, thấp, béo, ốm, không thể dùng chung một thuốc được.

Những lạc này thành chất khác nhau, có cái thuộc về

Một võ-sĩ sẽ là võ-địch cả thế-giới

Bảy vạn ngàn-giá ở Nhiêu-do vừa rồi, sau khi xem một trận tỷ võ trên đài, ai ai cũng đều nói như vậy về võ-sĩ người đen tên là Jao Loius.

Jao Loius mới 21 tuổi, người thấp bé, chỉ đánh có sáu hiệp là hạ được ông «ông vua bốc» giữ chức võ-địch ở nước Mỹ bấy lâu, tên là Carnera, người cao 6 thước 6 tấc, nặng 260 hân (cân Anh).

Bắt đầu mới đánh nhau hai phút, Loius đã đánh trúng chỗ mồi của Carnera ở mắt. Năm hiệp đầu, Loius cứ đánh vào trung-bộ của người bên địch. Bên địch đánh lại, không trúng cái nào hết. Vì Loius tay như con sóc, giỏi trở lăm. Carnera biết không đánh được, chỉ lo giữ trung-bộ mình mà thôi.

Đến hiệp thứ sáu, Loius lừa khi hờ, đánh trúng con mắt bên tả của Carnera một cái thật mạnh. Carnera rùng cả mình, nhào ngã ra. Loius theo đánh một cú nữa vào sống mũi, Carnera mới thật ngã nằm xuống.

Viên trọng-tài đến đến «bộ» thì Carnera lại hăm hăm đứng dậy, nhưng bị ngay một nắm của võ-sĩ Jen. Mặt đây những máu, lại ngã xuống lần nữa. Viên trọng-tài đến đến «năm» thì anh ta chồm-ngõm ngồi dậy, nhưng sức đã kiệt rồi, xin thôi không đánh nữa.

Loius nặng 196 hân, nhưng được cái tinh, lanh và đánh giỏi, cái này đáng coi ấy, nên mới hạ được vua bốc và sẽ thay làm vua bốc.

VƯỜN THƠ

Mặt biển, chiều hôm

Mênh mông trời với nước,
Thăm thẳm buổi chiều hôm.
Xa xa mờ khói biển,
Lơ lửng một cánh buồm.

— Buồm kia đi về đâu? —
Cho đôi ta cùng nhau
Nơi chân trời mặt nước
Trăm năm cùng học đầu!

P.H...

Chơi thuyền đêm giăng

(Hát á-đạo)

Miêu:

Giăng giăng gió thổi một chiều,
Già tay cánh buồm giăng treo giữa trời.

Trông giăng ngo ngoen sự đời,
Giăng trong để dục những người dưới giăng!

Nói:

Phong thanh nguyệt bạch.
Một con thuyền róc rách dạo đêm thu.

Lúc thanh nhàn hứng mát ngao du,
Mặc bốn bề năm châu người làm truyện!

Phùng phát phong phiêu lại thấy điện,

Bồi hồi nguyệt ánh ánh ba tam.

Lười giăng trong tiết rêu rêu cùng cũm,

Nào thể thương tri-âm ái đó tá?

Ta chỉ chén, tha hồ thiên hạ

Cuộc đời kim đưa xóa đưa bấy ra!

Ái ái, ái cũng hay mà!

Hạnh-sơn TRẦN-QUỐC-TRINH

Cái ảnh-hưởng của văn-hóa Trung-quốc truyền đèn phương Tây

(Dịch của GIANG-CANG-HỒ — Tiếp theo phụ trương số 30)

Nhấn lên nói về những việc cũ do đó biết văn-hóa Trung-quốc truyền sang phương Tây. Đây hẳn xuống tới đem những việc tại nghệ mất thấy trong khi ở Á-châu 12 năm ở nước Mỹ 8 năm, chọn những điều lớn-lao mà nói để cho thấy sự phát-triển của văn-hóa Trung-hoa từ Đông sang Tây là thế nào.

Đây tôi chia ra làm ba hạng: 1.) lòng-giáo; 2.) văn học; 3.) mỹ-thuật.

1.) Lòng-giáo.

Liệt thấy các lòng-giáo trên thế giới, phần nhiều do người Á-châu phát minh ra. Sự đó ai ai đều biết. Hiện nay văn-minh vật chất của phương Tây đã là phát-dại-lộ; về cái gì lên đến cùng-tột thì nó phải trở lại, cho nên gần nay người Tây đối với lòng-giáo lại dấn dấn có ý sống nghiên-cứu rồi. Vì như triết-học của Ấn độ tức là một thứ triết-học của phương Đông, người Âu-Mỹ họ đương sống-sống nghiên-cứu lắm. Và lại thứ triết-học Ấn độ mà họ nghiên-cứu rất là hoàn-toàn, chứ không những một Phật-học mà thôi. Cho đến các môn ngoại-đạo Ấn độ đã không phải Phật-học họ cũng nghiên-cứu một loạt.

Có điều biết thấy các sách Kinh, Luận thuộc về Phật-học hầu hết đã dịch ra chữ Tâu bởi người Trung-quốc thì thái la hoàn bì. Rồi đối có nhiều sách Kinh, Luận hiện nay ở Ấn độ đã thất-truyền, mà ở Trung-quốc đến còn có các bản dịch rất tốt. Bởi vậy người Tây họ nghĩ rằng nếu muốn nghiên-cứu Phật-học thì phải ra công học kinh Phật bằng chữ Tâu cho làm mới để thành công.

Thứ đến các kinh sách của Nho-giáo, Đạo-giáo là các tông-giáo có hữu của Trung-quốc, người Âu-Mỹ họ cũng hoan-nghinh một cách đặc-biệt. Theo như chỗ tôi (Giang-Cang-Hồ xưng mình) biết: Đức đức kinh của Lão tử, bản dịch bằng chữ các nước đã có một trăm thứ trở lên, chỉ nói một một thứ tiếng Anh đã có hai chục bản dịch rồi. Lại đối với sách Lão tử, người nhiều thế này, kẻ hiểu thế khác mặc dù; chỉ thấy nhiều bản dịch như vậy cũng đủ biết họ nghiên-cứu sách ấy một cách chu-đáo lắm. Ngoài ra như các sách: Trang-tử, Liệt-tử, Doãn-văn-tử, Át-quan-tử, mỗi thứ đều có mấy bản dịch tiếng Anh rồi.

Chàng những dịch sách thời đầu, về các môn học phương Đông họ đều có tay học-giả chuyên-nôn. Họ nghiên-cứu Phật-học hoặc Đạo-học của Trung-quốc đều có chia ra từng học-phái. Họ cũng có chia ra Nam tông, Bắc tông. Nội-tông, Ngoại-tông. Lại cũng có ít nhiều học-giả tinh đem hai học sách Dịch-kinh và một môn triết lý-lý-lởng của

một đề lập ra một môn học gọi là «Dịch kinh Đạo», như thế, họ cho rằng họ đã nhận được cái bí-quyết xưa nay chẳng truyền cho ai mà tự lấy làm đắc ý lắm. Do sự sốt sắng nghiên-cứu đó đến nỗi làm lúc sinh ra cho họ những cách cử-dộng như là mê tin vậy.

Các bản dịch kinh-sách của Không-giáo bằng tiếng Anh nên cho bản dịch Từ-thơ Ngũ kinh của ông Legge đứng thứ nhất. Ông này ở ngang đối Đạo-quang Hàm phong thuở Mãn-Thanh, đi truyền-giáo lâu năm ở Trung-quốc, vì đó mà ông rất tin đạo Không, cho nên đã dùng cả tinh thần vào việc dịch sách Từ-thơ Ngũ kinh. Hồi đó ông Vương Tháo, tự Tử-Thuyền, vốn là một bậc tiền bối có tư tưởng cách mạng, vì làm việc không thành, cực chẳng đã chạy ra ngoại-quốc, trước đến Nam dương, sau qua các nước Anh, Pháp, bấy giờ chính là lúc ông Legge đương dịch sách nho ông Vương Tháo có giúp cho ông Legge trong việc dịch rất nhiều.

Từ khi có các bản dịch sách Tâu bằng tiếng Tây, rồi người Tây mỗi năm một nhiều những người chăm nghiên-cứu học-thuật Trung-quốc. Các sách dịch lại càng ngày càng ra nhiều thêm nữa. Cho đến sau trào Âu châu Đại-chiến, người Âu Mỹ họ nghiên-cứu học-thuật Trung-quốc lại càng nhiều hơn. Trong các sách nho, họ ưa đọc hơn hết là kinh Thi và kinh Dịch. Vì kinh Thi là sách về văn học bác cao đẳng, kinh Dịch là sách về triết-học-thuần-tay. Trong hai sách ấy, người nghiên-cứu kinh Dịch lại nhiều hơn. Vì kinh Dịch chuyên nói về triết-lý, trong khi nghiên-cứu, có thể đi m ý riêng của mình xen vào đó một cách dễ-dàng, tùy mình giảng ra thế nào tức là nó có nghĩa lý thế ấy.

Đến vài ba năm gần đây, ở nước Mỹ, người ta lại đã đem sách Truyền-tập-lục của Vương Dương-Minh mà dịch ra rồi. Những người nghiên-cứu sách ấy cũng nhiều lắm. Thế rồi trong các lớp học cũng nổi lên những vấn đề «Chu Luc đi đồng» và «Luc Vương thọ thọ» mà hiện-nay cũng nhau một cách rất kịch-liệt cũng như ở bên Tâu thuở trước có một hồi như thế.

2.) Về văn học.

Văn-học của Âu-Mỹ, tiền-thuyết chiếm một địa-vị trọng yếu. Trước đây mấy năm họ xu-hướng về chủ-nghĩa «tả-thực», gần đây lại xu-hướng về chủ-nghĩa «Tân Lương-trung». Chủ-nghĩa kêu bằng «Tân Lương-trung» tức là thứ tiểu-thuyết gần giống như tiểu-thuyết thần-quái, phúng-phất với truyện Tây-du truyện Phong-thần của người Tâu thuở xưa. Cái chỗ hay của thứ tiểu thuyết ấy là có thể mang một thứ lý-lý-lởng của

Văn-hóa hình-luân

Cái ảnh-hưởng của văn-hóa Trung-quốc truyền đèn phương Tây

người đọc nó. Tức như chuyện Na-cha cải được «phong hỏa luân» ở truyện Phong-thần có thể mở mang cho chúng ta cái tư tưởng chế-lao ra máy bay hay xe bay, sự đó rất là có thú-vị.

Tiểu-thuyết rồi đến thi. Hiện ở Trung-quốc có nhiều nhà Văn học làm thi hay bất-chước theo lối thi tây; thế mà ở nước Mỹ người ta lại ra làm theo lối thi cũ của Trung-quốc. Kinh-Thi ba trăm bài đủ có nhiều bản dịch bằng các tiếng tây rồi. Còn thi Hán, Ngụy, như cổ ca, nhạc-phủ, người tây dịch ra chữ tây cũng chẳng ít. Họ trải qua nhiều lần nghiên-cứu, gần nay mới biết chu-lưu về Đường thi; và về Thanh dương, họ còn chú-trọng hơn. Các tên họ của các nhà làm thi đại-gia như Lý-Bạch, Đỗ-Phủ, Vương-Duy, Mạnh-Hạo-Nhiên, họ nhắc đến luôn luôn ở cửa miệng. Những người tây dịch thi Trung-quốc, trước kia có ông Đình-vĩ-Lương dịch nhiều lắm. Thứ đến ông Giles người Anh dịch cũng nhiều. Mới đây nước Mỹ có ông Carose đối với thi Trung-quốc có lòng nghiên-cứu rất-sáng-lam. Ông ta lấy làm bực mình vì học chữ Tâu còn kém nên tình muốn một người Tâu giúp sức mà mình không được ai. Những người Tâu ở nước Mỹ duy có học-trò và thợ là nhiều hơn hết, thợ thì rất kém về văn-học, còn học-trò mặc lo công-không trong trường, không có thời giờ dư; vì vậy ông ấy phải mượn một người Nhật-bản để giúp mình về sự dịch.

Mấy năm gần đây ông Carose đã xuất bản mấy cuốn sách dịch thi Trung-quốc. Mới rồi dịch thi-tập bốn nhà đại gia về đời Mãn-Thanh: Ngộ Mai (hôn Vương Ngự-Dương, Triệu-Âu Bắc, Viên Giản trai rao bán sách dự ước trước khi ra sách được chạy lăm, không bao lâu mà bộ sách dịch thi từ gia ấy đã in đến lần thứ ba.

Tôi (Giang-cang Hồ xưng mình) ở nước Mỹ trong lúc rảnh việc, cũng định dịch bộ Đường-thi-tập bách-thứ ra Anh văn, hiện tôi đã dịch được một mớ. Có ông Bynner người Mỹ, bạn tôi, chuyên nghiên-cứu về thi học Trung-quốc, có giúp tôi dịch cho xong bộ sách ấy. Sách đó chúng tôi cũng đã rao bán dự ước rồi, người ta gọi đến mua cũng nhiều.

Lại có một điều nghĩ đến mà có thú lạ! Người nước Mỹ mỗi khi họ làm bài thi tiếng Anh, họ rút ra đồng điện cổ sách Tâu trong bài thi của họ: nào Hán, nào Đường, họ nhắc đến luôn luôn. Chàng khác nào các nhà văn học mới của Trung-hoa mỗi khi làm thi cũng hay đứng những sự tích ở các sách bằng tiếng nước ngoài!

(Còn nữa) V. T

Văn nghệ tạp đàm

Thi chung

Bên Tàn có một lối làm thơ, gọi là «thi chung» (詩鐘). Thi chung là một văn-hội, một thi-xã hoặc một nhà báo ra đề rồi chấm những bài làm gọi tới, sắp thứ-tự và phát giải thưởng cũng như các cuộc thi đáp thơ v.v...

Thi chung có nhiều cách. Cách thường dùng là như «phân vịnh» (分) và «khâm tự» (嵌字).

Thường thi-thi-chung chỉ có hai câu, mỗi câu bảy chữ đối nhau, như câu thơ thất-ngôn luật có đối vậy.

Cách khâm-tự là dùng hai chữ đối nhau, mỗi bên một chữ, như câu bên này chữ hoa «đôi câu bên kia chữ «nguyệt». Chữ đối ấy ở về thứ mấy trong câu thì lấy người ra đề.

Cách phân-vịnh lại có điều ngặt-nghĩ hơn. Phải vịnh nghĩa là hai câu thơ, mỗi câu vịnh một người hoặc một vật mà phải đối nhau. Vịnh cái gì, cũng tùy ý người ra đề vậy.

Trước đây đã lần có một lần ở Quảng-dông có một cuộc thi chung, ra đề theo cách phân-vịnh là: một bên vịnh Lý-Hồng-Cương; một bên vịnh Bạch-cử-Địch (cái của dân bả).

Ba người đồng nghe mà cười với ấy là một lối phân vịnh mà người ta cho là khó lắm đấy. Hai về vịnh hai vật mà chính hai vật ấy không quan hệ gì nhau cả, khác nhau xa quá thì mới làm thế nào.

Vậy mà câu quán quân trong cuộc thi-chung ấy như vậy: 舉世嘉稱郭事老; Cật thế lăm xưng lão sự lão; 同前都是過來人; Hối đầu đó thị quá lai nhân.

Bấy giờ thiên hạ đều cho là hay và truyền tụng, đến nỗi ông Lương-khai-Siêu cũng lấy làm thích lắm. Chà đem chép vào trong bản thấp kỷ của mình.

Câu ấy về trên nghĩa là: Cả một đời ai cũng kêu là ông già hòa sự — thật là Lý-Hồng-Chương, vì hồi cuối Mãn-Thanh, họ Lý nhiều lần đứng nghị hòa với các nước. Về dưới nghĩa là: Quay đầu lại, ai cũng là người đi ngang qua chỗ đó — thật là cái âm-ho, ai ai cũng ở đó mà ra.

Lần khác cũng cách phân vịnh mà người ta ra một bên là con cạp; một bên là người con gái dãi.

Câu quán quân lần ấy thế này: 生語所冀感無範; Sinh thiêm lưộng dục uy vô dịch;

嫁得重婚感始平; Giả đắc trùng hôn cảm hân thi bình.

Câu này cũng hay. Về trên nghĩa là: Nếu sanh thêm hai cánh thì không có gì dịch lại nữa. Thật rồi là con hổ.

Về dưới nghĩa là: Nếu gả được cho người có bốn con người (như Ngụ-Thảo hay Hạng-Vô) thì chớ khuyết-hâm mới lấp bằng (Câu này dụng từ khéo tuyệt: Người con gái dãi cả hai mắt chỉ mong gả được người chồng có bốn con người thì mới bù lại thôi).

Đó, tôi nghĩ thì thi-chung bản bản là như thế đó. Chữ «lạc-ngữ» ta có thể làm lối ấy được lắm, để rồi sau sẽ bàn.

Thượng-V.

XÓ CƯỜI

Cũng như của tôi

— Cái nhà này đẹp quá, ông ở sướng lắm bản; nhưng là của ông, hay ông thuê của người ta?

— Tôi thuê của người ta đấy; nhưng cũng như của tôi.

— Sao vậy?

— Vì đã tháng này tôi không trả đồng tiền thuê nữa hết!

Tử-Riền

HƯƠNG-BÌNH KHÁCH-SẠN

Mời mở ở phố Paul-Bert số 89 Huế

Nhà hàng này là học trung-bình, cơm tây, bếp tốt, giá hạ, bồi hầu có lễ phép và sạch sẽ.

Phòng ngủ có 3 hạng, giá từ \$500 đến \$250 một đêm.

Cơm tây tùy ý quý khách, xơi cả bữa hoặc xơi nhiều, xơi ít tùy môn ăn mà tiền rượu tính ngoài.

Dọn theo phong tục người mình không có điều chỉ phiền phức, xin quý khách xa gần, tới thăm kính, lưu tâm chiếu cố.

HƯƠNG-BÌNH KHÁCH-SẠN

N° 45 Chủ nhân kính cáo.

